

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HS-ST
Ngày 19/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Quang.

2. Ông Tô Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang (Cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Phan Văn T (tên gọi khác Út Thề) - sinh ngày 19 tháng 5 năm 1963 tại: G - Kiên Giang; nơi cư trú: ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp C, xã V, tỉnh An Giang); CCCD số: 091063014099; nghề nghiệp: Làm ruộng (Từ năm 2004 đến năm 2025 tham gia vào Ban lãnh đạo ấp Chiến Thắng); trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T1 (chết) và bà Võ Thị K (chết); tên vợ Trang Thị L, bị cáo có 05 người con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 25/2025/LCCT-TA ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Danh T2 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại Danh T2:

Bà Thị L1 – sinh năm 1965, có đơn xin vắng mặt.

Ông Danh Xà P – sinh năm 1987, có đơn xin vắng mặt.

Bà Thị Thu D – sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã G, tỉnh An Giang.

Bà Thị Xà P1 – sinh năm 1982, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1982, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Trần Thị Đ – sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 10 phút, ngày 12/3/2025, Phan Văn T không có giấy phép lái xe theo quy định, đã điều khiển phương tiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng - đen biển kiểm soát: 68T1-230.03, dung tích xi lanh 113cm³ tham gia giao thông đường bộ, chở theo vợ là bà Trang Thị L lưu thông trên đường A, theo hướng từ Quốc lộ F đi vào khu Trung tâm thương mại Đ1 thuộc ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Khi đến đoạn đường giao nhau giữa đường số A và đường số 02 do thiếu chú ý quan sát và không xử lý tình huống kịp (vi phạm khoản 1 Điều 9 và điểm a khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ) nên va chạm vào nạn nhân Danh T2 đang đi bộ qua đường, gây ra tai nạn nghiêm trọng làm ông Danh T2 chấn thương sọ não dẫn đến tử vong.

Khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông vào lúc 19 giờ 30 phút, ngày 12/3/2025, hiện trường vụ án xảy ra tại khu vực đường số A với đường số B, thuộc ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp A, xã G, tỉnh An Giang). Bề rộng mặt đường trải nhựa, bằng phẳng, chiều rộng 7,5m đoạn đường tương đối thẳng, 02 chiều xe chạy, có vạch kẻ đường cho người đi bộ. Hiện trường ghi nhận như sau: Xác định trụ điện số TMĐA/1813 làm điểm mốc cố định, chọn mép đường bên phải theo hướng từ khu dân cư đi ra Quốc lộ F làm hướng chuẩn. Vết cày trên mặt đường dài 1,15m theo chiều hướng từ Quốc lộ F đi vào khu dân cư, đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 04m, cách điểm mốc 4,7m, điểm cuối cách mép đường chuẩn 4,1m, điểm đầu vết cách vạch kẻ cho người đi bộ là 03m. Ba vết cày không liên tục trên mặt đường như sau: vết thứ nhất dài 0,28m theo hướng từ Quốc lộ F đi vào khu dân cư, đầu cách mép đường chuẩn là 4,7m và cách điểm cuối là 0,77m, điểm cuối vết cày mép đường chuẩn là 4,7m; vết cày thứ 2 dài 0,12m và cách điểm cuối vết cày thứ nhất là 0,03m, điểm đầu vết cách mép đường chuẩn là 4,73m, điểm cuối vết cách đường chuẩn 4,7m; vết cày thứ 3 dài 0,18m và cách điểm cuối vết cày thứ 2 là 0,06m,

điểm đầu vết cách mép đường chuẩn là 4,79m, điểm cuối vết cách mép đường chuẩn là 4,79m. Vùng vết màu nâu đỏ trên diện (0,2 x 0,1)m tâm cách mép đường chuẩn 2,9m và cách điểm cuối vết cày thứ 2 là 02m. Xe mô tô biển kiểm soát 68T1-230.03 nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng đen, số khung RLCS1FC30EY095226, số máy 1FC3-095237, số loại Sirius, dung tích 113cm³ có nhiều vết trầy, xước do Phan Văn T điều khiển va chạm vào ông Danh T2 và bị ngã xe.

- Khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ án xác định: Xe mô tô BKS 68T1-230.03 nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng đen, số khung RLCS1FC30EY095226, số máy 1FC3-095237, số loại Sirius, dung tích 113cm³ do bị cáo điều khiển có các dấu vết liên quan đến vụ tại nạn giao thông như sau: Vết trầy xước sơn mũi chấn bunn phía trước bên phải; mặt đầu trên tay phanh phía trước bên phải có vết xước khuyết kim loại; mặt trước tay cầm cao su bên phải có vết xước cao su; mặt trước bên phải ốp đèn chiếu sáng có vết khuyết nhựa, mặt ngoài cần đạp bên phải có vết khuyết kim loại; mặt ngoài gác chân bên phải có vết khuyết kim loại.

** Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 293/KL-KTHS ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh K đối với tử thi Danh Tôn:*

“1. Các kết quả chính:

- Bầm tím mí mắt trái.*
- Tụ máu dưới da đầu vùng đỉnh cằm, thái dương trái.*
- Tụ máu cơ thái dương trái.*
- Nứt xương hộp sọ vùng chẩm, thái dương trái.*
- Lòe mô não qua vết nứt.*

2. Nguyên nhân chết: Do chấn thương sọ não”.

** Bản kết luận giám định số: 321/KL-KTHS ngày 27/3/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh K đối với đoạn video gửi giám định như sau: “Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa hình ảnh trong tập tin video clip gửi giám định. Đã trích xuất 08 (tám) tập tin hình ảnh trong tập tin video clip gửi giám định, chi tiết trong bản Phụ lục kèm theo”.*

Qua kiểm tra trong cơ thể của bị cáo Phan Văn T không có nồng độ cồn và chất ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định.

** Về vật chứng:* Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 68T1-230.03; một bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 68T1-230.03.

Cơ quan điều tra tiến hành xử lý vật chứng trao trả xe mô tô biển kiểm soát 68T1-230.03; một bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển kiểm soát 68T1-230.03 cho bị cáo Phan Văn T.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSND-GQ ngày 23/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang) đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T mức án 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận xong, không ai có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Viện kiểm sát không đề nghị.

* *Biện pháp tư pháp*: Không.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của nhân chứng, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định pháp y tử thi cùng với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa và nội dung bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSND-GQ, ngày 23/6/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang). Sau khi thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định:

Bị cáo Phan Văn T có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi, bị cáo hoàn toàn nhận thức được khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ nhưng vì quá tự tin, bị cáo chưa có giấy phép lái xe theo quy định nhưng đã điều khiển xe mô tô BKS 68T1-230.03 có dung tích xi lanh 113cm³ tham gia giao thông theo hướng từ Quốc lộ F đi vào khu dân cư Trung tâm thương mại Đ1. Do thiếu chú ý quan sát và không xử lý tình huống kịp nên bị cáo Phan Văn T đã điều khiển xe va chạm với ông Danh T2 đang đi bộ qua đường, làm cho ông Danh T2 ngã xuống đường chấn thương sọ não dẫn đến tử vong, hành vi của bị cáo Phan Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và điểm a khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ và điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định:

“1. người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của hai người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Như vậy, hành vi điều khiển xe mô tô gây ra hậu quả rất nghiêm trọng của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang) truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Sau khi đã xem xét đầy đủ toàn diện, khách quan các tình tiết của vụ án, đối chiếu với quy định pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát. Xét thấy, bị cáo Phan Văn T có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác, gia đình có công với cách mạng, hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi vô ý, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là không quá 03 năm, bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân mình trở thành người công dân tốt, các điều kiện trên đã thỏa mãn theo quy định tại Nghị quyết 02/VBHN-TANDTC ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo Phan Văn T được hưởng án treo là phù hợp với chính sách trừng trị và khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu và Viện kiểm sát không đề nghị nên HĐXX miễn xét.

[8] Về vật chứng trong vụ án: HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Phan Văn T trú tại ấp C, xã V cho UBND xã V, tỉnh An Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phan Văn T có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: HĐXX miễn xét.

Về vật chứng: HĐXX miễn xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV5;
- Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- THADS;
- Bị cáo; Những người TGTT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thùy Trang